

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐK YÊN THÀNH

Số: 1050/TB-BVYT
V/v mời chào giá các mặt hàng
hóa chất, vật tư y xét nghiệm,
thiết bị y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Thành, ngày 20 tháng 12 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh các mặt hàng hóa chất, vật tư y xét nghiệm, thiết bị y tế trên toàn quốc

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng giá kế hoạch cho Gói thầu hàng hóa số 6: Mua sắm các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung năm 2024-2025 tại đơn vị, làm cơ sở tổ chức mua sắm các mặt hàng phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh (Phụ lục đính kèm).

Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành kính mời các đơn vị có đủ tư cách pháp nhân, năng lực kinh nghiệm tham gia báo giá, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu về giá: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm nhận báo giá:
Người nhận: Nguyễn Thị Lan Anh, Số điện thoại: 02383.863.130

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện nhận trực tiếp và gián tiếp tại địa chỉ: Tại Phòng văn thư, Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành, địa điểm: Xóm 2, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

+ Từ ngày 08 h ngày 20/12/2024 đến 08h ngày 30/12/2024.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá có hiệu lực.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục yêu cầu bản báo giá: hàng hóa phải đáp ứng được cơ bản tiêu chí kỹ thuật và quy cách (nếu có) của các mã hàng hóa mời chào giá;

Báo giá phải được thực hiện theo mẫu báo giá kèm theo thư mời chào giá

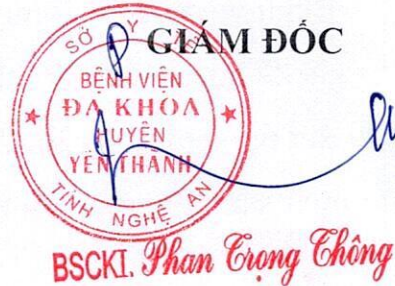
Đơn vị chào giá chịu trách nhiệm về giá chào phù hợp với quy định pháp luật về giá và các quy định hiện hành khác, đảm bảo giá chào phù hợp với giá cung ứng cho các đơn vị khác trong khu vực. Bảng báo giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu;

Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía Quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./. *Dev*

Nơi nhận: *MS*

- Như trên;
- Lưu: VT.



TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2024

THƯ CHÀO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Thành

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành tại thư mời chào giá số ... /TM-BVYT ngày 20/12/2024, chúng tôi...(đơn vị báo giá; Số điện thoại:...) báo giá cho gói thầu mua sắm các mặt hàng vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm cho Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành năm 2024 theo đúng yêu cầu của quý đơn vị như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng:

STT	Mã HH mời chào giá	Tên hàng hóa mời chào giá	Tên thương mại chào giá	Thông số, tính năng kỹ thuật chào giá	Hãng/nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách (nếu có)	Đơn giá (VAT)	Số lượng dự trừ	Thành tiền (VND)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Ghi chú: - Cột số 1; 2; 3; Thông tin phù hợp với “Phụ lục Danh mục hàng hóa mời chào giá”

- Cột 4; 5; 6; 7; 9; Thông tin phù hợp với thông tin của sản phẩm.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày báo giá có hiệu lực.**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, tuân thủ quy định về giá và các quy định khác liên quan.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Đại diện hợp pháp đơn vị báo giá

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

(Gói thầu hàng hóa số 6: Mua sắm các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế bổ sung năm 2024-2025)

(Kèm theo **Thư mời chào giá số 1050/TM-BVYT** ngày 20/12/2024)



DANH MỤC HÀNG HOA

Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
1	HCl1	Acid acetic đậm đặc	Chai	1	
		Dung dịch acid acetic, không màu, mùi giấm, tinh khiết 99%. Chai 500ml.			
2	HCl2	Acid Citric	Kg	1	
		- Công thức hóa học: C6H8O7. - Trạng thái vật lý: dạng rắn. - Màu sắc: màu trắng. - Mùi đặc trưng: không mùi. - Chứng nhận phân tích chất lượng.			
3	HCl3	Acid HCl	Chai	1	
		Acid HCL 3%, chai ≥500ml			
4	HCl4	Ambu Bóp bóng các loại	cái	1	
		1 bóp bóng bằng PVC 1630ml cho người lớn, 680ml cho trẻ em và 340ml cho sơ sinh. 1 Mặt nạ theo size tương ứng. 01 Túi trộn khí Oxy 2000ml cho người lớn, 1600ml cho trẻ em và sơ sinh. 1 Dây dẫn Oxy 200cm. Có van điều chỉnh ánh lực 60 cmH2O cho người lớn, đối với trẻ em và sơ sinh là 40cmH2O. Các size khác nhau dùng cho các đối tượng khác nhau (người lớn, Trẻ em, sơ sinh). Ambu bóp bóng bằng tay dùng để hỗ trợ thông khí khi cấp cứu cho bệnh nhân mà không có sự hỗ trợ của các loại máy thở. Tiêu chuẩn ISO 13485			
5	HCl5	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Cái	1	
		Bàn chải phẫu thuật, hấp tiệt trùng 130 độ, dùng nhiều lần			
6	HCl6	Bàn cực trung tính dùng một lần	Cái	1	
		Bàn cực trung tính dùng một lần			
7	HCl7	Băng bó bột thạch cao	Cuộn	1	
		Sản xuất bởi bột thạch cao màu trắng được pha loãng bao phủ hoàn toàn gác thắm (Thạch cao ≥ 97%, gác 100% cotton); lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi nilong cách nước màu trắng. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 2-5 phút. Dùng để cố định vết gãy trong chấn thương chỉnh hình. Kích thước 10cm x 2.7m. Đóng gói: 72 cuộn/thùng.			
8	HCl8	Băng cá nhân trong suốt	Miếng	1	
		Băng cá nhân trong suốt, kích thước 18x70 mm. Băng làm từ vật liệu Polyethylene, bóng sợi phủ lớp Polyethylene không gây dính vết thương. Keo Acrylic. Tiệt trùng EO. Tiêu chuẩn ISO 13485.			
9	HCl9	Băng chi thi tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Cuộn	1	
		Băng keo chi thi nhiệt kích thước 1.8cm x 5.5m với vạch mực chuyên màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Vạch chi thi sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn và giữ nguyên màu trong vòng 6 tháng. Xuất xứ G7			
10	HCl10	Băng cuộn y tế	Cuộn	1	
		Kích thước: 10cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.			
11	HCl11	Băng keo lùa cuộn 2.5cm x 5m	Cuộn	1	
		Vải lùa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide, Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7. Tiêu chuẩn CE			
12	HCl12	Băng thun 3 móc	Cái/ Cuộn	1	
		Kích thước: Băng thun 3 móc ≈ 10.2cm x 5.5m. Chất liệu: được làm từ sợi cotton, kết hợp với sợi cao su thiên nhiên			

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
13	HC13	Bộ dây hút đàm kín	<p>Size 14, 16 . Hệ thống hút đàm kín 72h. - Vòng ngắt kết nối để đảm bảo sự tách biệt nhanh và an toàn giữa hệ thống và ống dẫn - Van điều khiển hút có chức năng đóng khóa/ mở khóa, đảm bảo an toàn cho quá trình hút đàm - Những vòng tròn đen hoặc ô màu được in lên để giúp nhận biết dễ dàng hơn độ sâu khi luồn ống thông - Lớp vỏ bằng TPU để bảo vệ ống thông: mềm và giảm tiếng ồn - Những đầu nối được in màu để dễ dàng nhận biết - Nhân dân theo ngày (giúp nhận biết những yêu cầu thay đổi) - Núm xoay gọn nhẹ, độ hoàn thiện cao, làm cho quá trình bơm/hút an toàn hơn</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 3485</p> <ul style="list-style-type: none"> Nguyên lý: đo áp lực máu theo phương pháp đo gián tiếp Khoang đo: từ 20 đến 300mmHg Đồng hồ đo áp lực: có kim định vị ở mức số không Độ chính xác: +/- 3mmHg Hệ thống bơm khí: vòng hơi được làm bằng vải may viền có túi hơi bên trong, quả bóp bóng chuẩn có van điều chỉnh Trọng lượng: 430g Quy cách đóng gói: 50 cái/thùng, 0.065m khối, 23.0 kg <p>Bộ sản phẩm tiêu chuẩn bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Túi hơi - 01 Đồng hồ đo - 01 Quả bóp bóng kèm van xả - 01 Túi đựng máy - 01 Ống nghe No.FT-801 kèm theo với tính năng: Nguyên lý: Nghe nhịp tim, nhịp mạch qua màng nghe Mặt nghe: gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC Quy cách đóng gói: 100 cái/ thùng, 0.0586 m khối, 14.5 kg Bộ sản phẩm tiêu chuẩn bao gồm: Dầu Nghe, màng nghe, chuông, tube Y bằng nhựa PVC, tai nghe. <p>Viết số G7 tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Cái	1	
14	HC14	Bộ đo huyết áp	<p>Bộ hóa chất dùng cho máy phân tích điện giải 5 thông số</p>	Bộ	1	
15	HC15	Bộ hóa chất dùng cho máy phân tích điện giải 5 thông số	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl, Ca, pH trong mẫu huyết thanh trên máy SFRI ISE 5000. Thành phần: buffer < 0.1%, Inorganic salts < 3,0%, Preservative < 0.05%	Hộp	1	
16	HC16	Bộ nhuộm Gram	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram; Bộ gồm 4 lọ x 100ml; Crystal Violet: 1x100ml; Lugol: 1x100ml; Safranin: 1x100ml; alcohol: 1x100ml	Bộ	1	
17	HC17	Bộ nhuộm Ziehl-Neelsen	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bộ gồm 03 chai 100ml dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylen Blue.	Bộ	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường	Đơn vị tính	Số lượng bảo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
18	HC18	Bom tiêm 10ml	Bom tiêm nhựa 10 ml. Có Kim. Có loại cỡ kim 23G, 25G. Pit tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE, 02 CFS Châu Âu	Cái	1	
19	HC19	Bom tiêm 20ml	Bom tiêm nhựa 20ml. Có kim, có các cỡ kim 23G; 25G. Pit tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE, 02 CFS Châu Âu	Cái	1	
20	HC20	Bom tiêm 3ml	Bom tiêm nhựa 3ml. Có kim, có các cỡ kim 23G; 25G. Pit tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE, 02 CFS	Cái	1	
21	HC21	Bom tiêm 50ml	Bom tiêm nhựa 50ml. Pit tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE, 02 CFS Châu Âu	Cái	1	
22	HC22	Bom tiêm 5ml	Bom tiêm nhựa 5ml. Có kim. Có các cỡ kim 23G; 25G. Pit tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, EN ISO 13485, CE, 02 CFS Châu Âu	cái	1	
23	HC23	Bom tiêm cân quang I nòng các loại	Xilanh 190ml dùng cho máy bơm cân quang một nòng. Bộ đóng gói gồm: 1 bom tiêm, dây nối 150 cm, ống J. Chịu được áp suất tối đa: 1200 psi. Được làm từ vật liệu polypropylene, polycarbonat, cao su đàn hồi không chứa Latex. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE hoặc tương đương	Bộ	1	
24	HC24	Bông tắm còn	Bông được sản xuất từ chất liệu vải không dệt tằm sẵn còn 70%. Bông tắm còn 2 lớp kích thước 32.5x30mm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái	1	
25	HC25	Bông y tế	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dài, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dài, được cuộn thành cuộn chắt, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng. Không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. Tiêu chuẩn iso 13485	Kg	1	
26	HC26	Bột khô pha dịch đậm đặc (Bicarbonat)	Thành phần NaHCO3 900g	Cái	1	
27	HC27	Buồng đệm	Buồng đệm khí dung BioHealth - Thể tích buồng đệm : 220ml - Có chỗ gắn mặt nạ, nhỏ gọn, dễ tháo rời. - Chất liệu: Sản phẩm được làm bằng chất liệu chống tĩnh điện (ABS) an toàn khi sử dụng.	Cái	1	
28	HC28	Canyl ngang miếng nối soi	Các số: Duyệt tri đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê, làm từ Polyethylene không độc hại	Cái	1	

STT	Ma HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
29	HC29	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	<p>Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu</p> <p>Bộ ống thông làm từ vật liệu PU tương thích sinh học mềm chống xoắn hạn chế tổn thương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế thanh trượt dễ dàng sử dụng với đầu dạng chữ J, không độc, không chất cao su tăng an toàn cho bệnh nhân - Kim Y dẫn đường hạn chế mất máu và nhiễm trùng. - Nút đẩy an toàn có van 1 chiều, không dùng kim bơm thuốc tăng an toàn. <p>Bao gồm: - Catheter(ống thông) tĩnh mạch trung tâm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn hướng - Que nong - Kim dẫn đường - Kẹp - Kẹp catheter - Bộ lọc <p>Kim dẫn đường các cỡ: 20Ga, 18Ga</p> <p>Dùng trong trường hợp dưới 30 ngày; catheter theo phương pháp kĩ thuật Seldinger</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC</p> <p>Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 7F x 16cm, 20cm : chất liệu PU tương thích sinh học mềm chống xoắn hạn chế tổn thương. Guide wire OD 0.035 inch, dài 50cm, thiết kế thanh trượt dễ dàng sử dụng với đầu dạng chữ J, không độc, không chất cao su tăng an toàn cho bệnh nhân. Kim Y dẫn đường hạn chế mất máu và nhiễm trùng. Nút đẩy an toàn có van 1 chiều, không dùng kim bơm thuốc tăng an toàn.</p> <p>Tốc độ chảy 2 nhánh (7F 14G: 95ml/phút, 18G: 38ml/phút), cân quang, tiệt trùng EO, Hạn dùng 5 năm.</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC</p>	Bộ	1	
30	HC30	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	<p>Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm Protein. Thành phần thuốc thử: từ huyết thanh người (đông khô), có chứa nồng độ các thành phần phù hợp.</p> <p>Tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Hộp ≥ 5 ml</p>	Bộ	1	
31	HC31	Chất chuẩn cho các xét nghiệm Protein	<p>Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm Protein. Thành phần thuốc thử: từ huyết thanh người (đông khô), có chứa nồng độ các thành phần phù hợp.</p> <p>Tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Hộp ≥ 5 ml</p>	Lọ	1	
32	HC32	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	<p>Là dung dịch hiệu chuẩn, dùng để xây dựng các đường hiệu chuẩn cho việc định lượng các thành phần huyết học, dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động;</p> <p>Quy cách: 3ml</p> <p>*Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, chất ổn định và bảo quản trong một dung dịch mô phỏng huyết tương người.</p>	Hộp	1	
33	HC33	Chất kiểm chứng dùng cho các xét nghiệm Protein	<p>Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Protein mức 1 Thành phần thuốc thử: từ huyết thanh người (đông khô), có chứa nồng độ các thành phần phù hợp để nội kiểm chuẩn.</p> <p>Tiêu chuẩn CE, ISO 13485.</p>	Hộp	1	
34	HC34	Chi không tiêu sợi tổng hợp Nylon số 2-0	<p>Số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	Sợi	1	
35	HC35	Chi không tiêu sợi tổng hợp Nylon số 3-0	<p>Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	Sợi	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
36	HC36	Chi không tiêu sợi tông hợp Nylon số 4-0	Số 4/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chi dài 75cm. Là chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chi mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chi có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE Xuất xứ: Châu Âu	Sợi	1	
37	HC37	Chi không tiêu sợi tông hợp Nylon số 5-0	Số 5/0 kim tam giác 3/8C, kim 19mm, kim phủ silicon, sợi chi dài 75cm. Là chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chi mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chi có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE Xuất xứ: Châu Âu	Sợi	1	
38	HC38	Chi không tiêu sợi tông hợp Nylon số 6-0	Số 6/0 kim tam giác 3/8C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chi dài 75cm. Là chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chi mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chi có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE Xuất xứ: Châu Âu	Sợi	1	
39	HC39	Chi Nylon số 10/0	Chi không tan tông hợp (Nylon) số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả"	Tép	1	
40	HC40	Chi phẫu thuật không tiêu tông hợp Nylon 7/0	Số 7/0 kim tam giác 3/8C, kim 12mm, kim phủ silicon, sợi chi dài 75cm. Là chi phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chi mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chi có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE Xuất xứ: Châu Âu	Tép	1	
41	HC41	Chi phẫu thuật tông hợp Polyglactin 910 số 5/0	Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 17mm, kim phủ silicon, sợi chi dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tông hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dung Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chi được tráng bởi 1 lớp tông hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Xuất xứ: Châu Âu	Sợi	1	
42	HC42	Chi phẫu thuật tông hợp Polyglactin 910 số 6/0	Số 6/0 kim tròn 1/2C, kim 13mm, kim phủ silicon, sợi chi dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tông hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dung Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chi được tráng bởi 1 lớp tông hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. Xuất xứ: Châu Âu	Sợi	1	
43	HC43	Chi phẫu thuật tông hợp Polyglycolic Acid số 4	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim dài 13- 26mm, kim phủ silicon, sợi chi dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tông hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dung Polyglycolic acid. Bề mặt sợi chi được tráng bởi 1 lớp tông hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE Xuất xứ: Châu Âu	Sợi	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
44	HC44	Chi phẫu thuật tự tiêu Chromic Catgut số 5/0	Chi tan chậm tự nhiên chromic catgut số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chi làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. được sản xuất bằng collagen có thành phần từ 97% đến 98% collagen nguyên chất và được phủ để kéo dài tính toàn vẹn của chi khâu, giảm thiểu phản ứng của mô và nguy cơ phản ứng bất lợi, có đường đi mềm xuyên qua mô, không cần cắt chi, do đó không nên sử dụng khi cần mở rộng mô gần đúng. Độ bền kéo nút thắt Trung bình >0.45 kgf	Sợi	1	
45	HC45	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 1	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Sợi	1	
46	HC46	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 2-0	Xuất xứ: Châu Âu Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26-30mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Sợi	1	
47	HC47	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 3-0	Xuất xứ: Châu Âu Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Sợi	1	
48	HC48	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 4-0	Xuất xứ: Châu Âu Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 22mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chi phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiệt trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chi sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Sợi	1	
49	HC49	Chi thép các cỡ	Xuất xứ: Châu Âu Loại: Sợi đơn. Số 5, dài 45cm, kim tam giác 1/2C, kim dài 50mm Thành phần: Sắt, Niken và hợp kim crom Lớp phủ: Không có Hộp: 12 vi (mỗi vi 4 sợi)/hộp 12 sợi Patella set/hộp 1 cuộn Xuất xứ: châu Âu, tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 16 mm. - Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1,1-1,2-1,3mm, khi mở: 7,5-10,2-14mm - Có các răng nhọn - gập góc hai bên sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp. Kiểu khớp đồng	Sợi	1	
50	HC50	Clip cầm máu nội soi		Cái/ Gói	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường	Đơn vị tính	Số lượng bảo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
51	HC51	CO2 y tế	CO2 nồng độ $\geq 99,9\%$ Chứa trong Bình dung tích 40L, có dân nhân, khối lượng khí trong bình là 25kg (+/-5%) được chứa trong bình chuyên dụng dung tích ≥ 40 lít * Sản phẩm là hỗn hợp khí trong bình, không bao gồm vỏ bình và các bộ phận đi kèm	Bình	1	
52	HC52	Cốc đựng chất chuẩn, chắt cài đặt sau khi pha chế	Được làm từ nhựa trong suốt, có nắp an toàn để tránh tình trạng xuất hiện khe hở, với các nút gờ thể hiện dung tích được làm mờ, ≥ 800 cái/ Túi	Cái	1	
53	HC53	Cốc đựng mẫu dùng cho máy phân tích miễn dịch	Thành phần: Polystyrene	Cái	1	
54	HC54	Cồn y tế 70 độ	- Hàm lượng Ethanol đạt 70% - Quy cách: Can ≥ 20 lít	Lít	1	
55	HC55	Hóa chất dùng tạo đường chuẩn cho xét nghiệm CRP, với 6 mức khác nhau. 1ml nồng độ	Hóa chất dùng tạo đường chuẩn cho xét nghiệm CRP, với 6 mức khác nhau. 1ml nồng độ	Lọ	1	
56	HC56	Hóa chất kiểm chuẩn c	Mẫu huyết thanh dùng nội kiểm tra cho xét nghiệm CRP, với 2 mức Low/High, 1ml/nồng độ. Được điều chế từ huyết thanh người đông khô là làm ổn định	Lọ	1	
57	HC57	Dây chuyên dịch	Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Kim 2 cánh bướm có các cỡ 22G, 23G. Độ dài dây dẫn ≥ 1500 mm. Có van khoá điều chỉnh, Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Bùồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5 ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Tiêu chuẩn TCVN 6591-4:2008: EN ISO 13485. CE.. 02 CFS Châu Âu	Cái	1	
58	HC58	Dây Garo định	Chất liệu thun cotton dài 25 cm, rộng 2,5cm có khóa và dính băng dính 2 đầu	Cái	1	
59	HC59	Dây lọc mẫu HDF online	1 bộ dây gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch và dây safeline. Chất liệu tương hợp tốt với máu và phân ứng độc tế bào thấp. Không có DEHP. Thể tích làm đầy: 132 ml.	Bộ	1	
60	HC60	Dây lọc mẫu	Bộ dây chạy thân 4 trong 1 bao gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch, dây truyền dịch, 1 transducer, túi xả - Bùồng nhỏ giọt: đường kính ngoài 19-30 mm; chiều dài ≥ 130 mm - Có đầu transducer - Dung tích bùồng nhỏ giọt: 22-25 ml - Đường kính dây bom (8,0x12,2x400 mm) không rò rỉ máu - Dây động mạch: đường kính 4,5 x 6,8mm, dài ≥ 3.930 mm, 5 nhánh nói - Dây tĩnh mạch: đường kính 4,5 x 6,8mm, dài ≥ 3.030 mm, 2 nhánh nói - Thể tích môi: 165 \pm 5% ml, - Có các đường dây để lấy máu và xử lý thuốc; có vị trí tiêm - Tương thích với nhiều loại máy chạy thận - Tệt trung bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bộ	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
61	HC61	Dây truyền dịch kim cánh bướm	<p>Bộ dây truyền dịch kim 2 cánh bướm 22G, 23G, không có chất DEHP. Khoá điều chỉnh dòng chảy linh hoạt được làm nhựa ABS.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu kim tiêm bén, không có gờ sản xuất từ vật liệu cao cấp (thép không gỉ). - Van thoát khí tại bầu đệm giọt, màng lọc khuẩn tại van thông khí - Có bầu đệm giọt 20 giọt/ ml. - Có kết nối với ống cao su để tiêm khi cần thiết, chất liệu cao su mềm có độ đàn hồi cao. - Dây truyền làm từ nguyên liệu PVC y tế cao cấp mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng. - Chiều dài của dây: ≥ 1500mm - Đóng gói bao bì có miếng giát thoát khí EO 2x2cm an toàn trước sử dụng. - Tiệt trùng bằng EO gas. - Sản phẩm phù hợp với ISO 9001:2015, 13485:2016 - Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel AQUA-TAC, tiếp xúc ôn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu giác nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ôn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. - Kích thước: 35 mm x 41 mm - Đóng gói: 30 cái/ túi, 1500 cái hộp, 6000 cái thùng. - Là sản phẩm thông dụng và nổi tiếng trên toàn thế giới. - Hạn Sử Dụng: trên bao bì, 02 năm kể từ ngày sản xuất. 	Cái	1	
62	HC62	Điện cực dán	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Thép không gỉ - Đường kính: 1.0/1.2/1.5/2.0/2.5/3.0mm, dài 250/300mm 	Cái	1	
63	HC63	Định Kisner các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi phân tích: 0,6-1350 mIU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ IgG kháng chuột ở dê: các phức hợp kháng βhCG đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R 1b: Protein (dê, chuột và tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm citrate, có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Liên hợp photphataza kiểm kháng βhCG ở thỏ (tái tổ hợp) được pha loãng trong dung dịch muối đệm MES, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (tho), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 	Hộp	1	
64	HC64	Định lượng total β hCG	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần của thuốc nhuộm Ziehl Neelsen. Chai ≥ 500ml. - Đồng hồ Oxy là một thiết bị y tế không thể thiếu trong việc điều trị cho bệnh nhân tại cơ sở y tế, hay tại nhà. - Thông số kỹ thuật : - Chất liệu bằng đồng thau - Áp suất đầu vào : 15Mpa - Kết nối : G5/8 - Áp suất đầu ra : 0.2-0.3Mpa - Van an toàn : 0.35 \pm0.05Mpa - Tốc độ dòng chảy : 1-15L/phút 	Chai	1	
65	HC65	Đò Fuchsin				
66	HC66	Đồng hồ oxy		Bộ	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
67	HC67	Dung dịch để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thổi, pipet và bơm chất thải của máy	Dung dịch để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thổi, pipet và bơm chất thải của máy. Thành phần chính: Aqueous Solution 99,1%.	Hộp	1	
68	HC68	Dung dịch khử khuẩn	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALALDEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7,2 - 7,8, - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dung cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dung cụ, tương thích với nhiều loại dung cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy), có que thử. - Tương thích với dung cụ của các hãng sản xuất dung cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon) - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14563, EN 14476 - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS thuộc các nước tham chiếu	Can	1	
69	HC69	Dung dịch làm sạch và khử trùng quá lọc thận nhân tạo	Peracetic acid: ≥4% Hydrogen Peroxide: ≥25% Acetic acid: ≥12%	Can	1	
70	HC70	Dung dịch ly giải	Disodium hydrogen phosphate 0,6 g/l, Sodium dihydrogen phosphate 0,4 g/l, Sodium Sulphate 9,0 g/l, Sodium Chloride 4,0 g/l, 1-Hydroxy pyridine-2-thione 0,25 ml/l, Procaine hydrochloride 0,12 g/l, EDTA Di Sodium 0,1 g/l Ong nhựa ≥10 ml Mức dịch sử dụng:	Chai	1	
71	HC71	Dung dịch Parafin	- Bôi trơn các dụng cụ trong các thủ thuật: Đặt nội khí quản, đặt sonde tiểu, đặt sonde dạ dày, phẫu thuật nội soi tiết niệu, thăm khám âm đạo, thăm khám trực tràng... - Lăn trơn, thụt trực tràng trong các trường hợp táo bón.	Ông	1	
72	HC72	Dung dịch pha loãng	Disodium hydrogen phosphate 0,6 g/l, Sodium dihydrogen phosphate 0,4 g/l, Sodium Sulphate 9,0 g/l, Sodium Chloride 4,0 g/l, 1-Hydroxy pyridine-2-thione 0,25 ml/l	Thùng	1	
73	HC73	Dung dịch rửa	Dipotassium hydrogen phosphate 3,09 g/l, Potassium dihydrogen phosphate 1,09 g/l, Proclin-300 0,1 ml/l, Sodium Chloride 3,5 g/l, Sodium Flouride 0,5 g/l, Triton-x-405 2ml/l, Protease 3,0 ml/l, Methylene Blue 0,0003 g/l, Polyxyethylene tridecyl Ether 0,5 ml/l, Lemon Yellow 0,1 g/l	Thùng	1	
74	HC74	Dung dịch rửa	Sodium hypochloride 1,5%	Thùng	1	
75	HC75	Dung dịch rửa dùng cho máy XN sinh hóa	Dung dịch nước rửa dùng cho hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa Thành phần: KOH<2%, Surfactant<1%	Chai	1	
76	HC76	Dung dịch rửa máy khí	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm khí máu. Bao gồm các ngăn chứa dung dịch cho quá trình hiệu chuẩn và rửa, và 1 ngăn chứa chất thải	Hộp	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
77	HC77	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7,2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha-Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%. (các thành phần phải được công bố rõ ràng trên nhãn hàng hóa). Đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN1500 Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210,68 g - Kali clorid: 5,22 g - Calci clorid.2H2O: 9,00 g - Magnesi clorid.6H2O: 3,56 g - Acid acetic băng: 6,31g - Glucose.H 2 O: 38,50 g (=35,00g Glucose khan). - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	chai	1	
78	HC78	Dung dịch thấm phân máu đậm đặc A (Acid)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,00 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Can	1	
79	HC79	Dung dịch thấm phân máu đậm đặc B (Bicarbonat)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,00 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Can	1	
80	HC80	Hóa chất cài đặt các chỉ số	Dung dịch hiệu chuẩn định lượng cho các xét nghiệm sinh hóa Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm nồng độ Ethanol Đãi đo: ≤ 300mg/dL (≤65mmol/l). Phương pháp: enzymatic Thành phần: Reagent 1 (R1) Buffer (pH 8,4): 23 mM; ADH: > 5800 U/L; NAD ⁺ : 2,34 mM Các thành phần không phản ứng và chất bảo quản. Reagent 1 (R1) Buffer (pH 9): 50 mM Các thành phần không phản ứng và chất bảo quản. Số test trên hộp > 416.	Hộp	1	
81	HC81	Hóa chất xét nghiệm E	Thành phần: Ethanol in bufer, Preservative	Hộp	1	
82	HC82	Hóa chất cài đặt chi số	Tính năng: chất chuẩn dùng cho xét nghiệm nồng độ Ethanol	Hộp	1	
83	HC83	Hóa chất kiểm chuẩn c	Tính năng: chất kiểm tra dùng cho xét nghiệm nồng độ Ethanol	Hộp	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường		Đơn vị tính	Số lượng bảo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
84	HC84	Gạc met y tế	<p>Chất liệu: 100% sợi cotton. Kích 80cm. Thời gian chìm ≤ 10 giây. Khả năng hút nước gam giữ được ≥ 5 gam nước. Các chất tan trong nước ≤ 0,5%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; ISO 9001; CE; FDA -Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số ngang dọc là 32s/1, mật độ sợi 7/8, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, không dùng chất quang sắc, chỉ có sợi bông, không có loại sợi nào khác. -Kích thước: 6cm x 10cm x 12 lớp. -Đóng gói: ≥10 miếng/gói, tiệt trùng bằng khí EO. -Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cà hai dung dịch không có màu hồng) -Chất hoạt động bề mặt: < 2mm -Các sợi khác: Không tìm thấy sợi nào bị nhuộm màu -Chất tan trong ether: không quá 0,5% -Chất tan trong nước: không quá 0,5% -Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0% -Pro sunfat: không quá 0,4%</p>		Mét	1	
85	HC85	Gạc phẫu thuật	<p>-<u>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015- ISO 13485:2016</u> Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước giả hóa: ≥7,0 N; Sau giả hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước giả hóa: 650%; Sau giả hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm². Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm². ISO 9001, ISO 13485, CE. Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N; Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%. Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm², mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. ISO 9001, ISO 13485, CE. Kích thước rộng 8cm, dài ≥ 4m</p>		Miếng	1	
86	HC86	Găng kiểm tra các cỡ	<p>-<u>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015- ISO 13485:2016</u> Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước giả hóa: ≥7,0 N; Sau giả hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước giả hóa: 650%; Sau giả hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm². Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm². ISO 9001, ISO 13485, CE. Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N; Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%. Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm², mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. ISO 9001, ISO 13485, CE. Kích thước rộng 8cm, dài ≥ 4m</p>		Đôi	1	
87	HC87	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	<p>-<u>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015- ISO 13485:2016</u> Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước giả hóa: ≥7,0 N; Sau giả hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước giả hóa: 650%; Sau giả hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm². Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm². ISO 9001, ISO 13485, CE. Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N; Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%. Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm², mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. ISO 9001, ISO 13485, CE. Kích thước rộng 8cm, dài ≥ 4m</p>		Đôi	1	
88	HC88	Giấy in máy khi mẫu	<p>-<u>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015- ISO 13485:2016</u> Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước giả hóa: ≥7,0 N; Sau giả hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước giả hóa: 650%; Sau giả hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm². Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm². ISO 9001, ISO 13485, CE. Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N; Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%. Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm², mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. ISO 9001, ISO 13485, CE. Kích thước rộng 8cm, dài ≥ 4m</p>		Cuộn	1	
89	HC89	Giấy in Monitor sản khoa	<p>-<u>Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015- ISO 13485:2016</u> Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài trung bình 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước giả hóa: ≥7,0 N; Sau giả hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước giả hóa: 650%; Sau giả hóa: 500%. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 10mg/dm². Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm². ISO 9001, ISO 13485, CE. Tiêu chuẩn cơ bản: Bề dày trung bình 0,15÷20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: min 12,5N; Sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%. Sau lão hóa: min 550%. Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản phải đạt: Lượng bột: max 80mg/đôi. Lượng protein: max 200µg/dm², mức độ nhiễm tinh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. ISO 9001, ISO 13485, CE. Kích thước rộng 8cm, dài ≥ 4m</p>		Tập	1	
90	HC90	Hóa chất cài đặt các chỉ số xét nghiệm	<p>Vật liệu hiệu chuẩn cho các thông số: Albumin, ALP, ALT/GPT, Amylase, AST/GOT, Bilirubin direct, Bilirubin total, Bun, Calcium, Cholinesterase, Cholesterol, HDL, LDL, CK, CK-MB, Creatinine, GGT, Glucose, LDH-L, LDH-P, LIPASE, Magnesium, phosphorus, Triglycerides, Total protein, Uric acid, Urea Dụng cụ kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7,0 tới 9,0 Tính tan: tan trong nước</p>		Lọ	1	
91	HC91	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	<p>Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Nhiệt độ bảo quản: 2 đến 8°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 14 ngày</p>		Lọ	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
92	HC92	Hóa chất dùng trong xét nghiệm chỉ số APTT	Dùng trong xét nghiệm chỉ số aPTT. Thành phần chính: 0.025M calcium chloride and 0.095% sodium azide as a preservative	Hộp	1	
93	HC93	Hóa chất kiểm chuẩn CRP mức 1	Vật liệu kiểm chuẩn cho các xét nghiệm protein CRP, ASO, RF mức 1	Lọ	1	
94	HC94	Hóa chất kiểm chuẩn CRP mức 2	Vật liệu kiểm chuẩn cho các xét nghiệm protein CRP, ASO, RF mức 2	Lọ	1	
95	HC95	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao	Vật liệu kiểm chuẩn mức bệnh lý cho các thông số: Albumin, ALP, ALT/GPT, Amylase, Pancreatic amylase, AST/GOT, Bilirubin direct, Bilirubin total, Bun, Calcium, Cholinesterase, Cholesterol, HDL, LDL, CK, CK-MB, Creatinine, Chloride, Đồng (Copper), Sắt (Iron), GGT, Glucose, IgA, IgM, Kali (K), LIP, LDH-L, LDH-P, LIPASE, Magnesium, Na, phosphorus, Triglycerides, Total protein, Transferrin, UIBC, Uric acid, Urea	Lọ	1	
96	HC96	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp	Vật liệu kiểm chuẩn mức thường cho các thông số: Albumin, ALP, ALT/GPT, Amylase, Pancreatic amylase, AST/GOT, Bilirubin direct, Bilirubin total, Bun, Calcium, Cholinesterase, C3, C4, Cholesterol, HDL, LDL, CK, CK-MB, Creatinine, Chloride, Đồng (Copper), Sắt (Iron), GGT, Glucose, IgA, IgM, IgG, Kali (K), L-Lactate, LDH-L, LDH-P, LIPASE, Magnesium, Na, phosphorus, Triglycerides, Total protein, UIBC, Uric acid, Urea	Lọ	1	
97	HC97	Hóa chất xét nghiệm Protein niệu/ dịch não tủy	Hóa chất xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và Dịch não tủy (CSF). Hoá chất dạng dung dịch đậm đặc, sẵn sàng sử dụng, tự động pha loãng trên máy xét nghiệm. Hộp ≥ 108 ml, lọ hóa chất có mã vạch nhận diện hóa chất và tương thích với máy AU480.	Hộp	1	
98	HC98	Hộp đựng bông còn	Hộp đựng bông inox đường kính 8cm	Cái	1	
99	HC99	Hộp hấp	Inox, phi 20 x 14 dùng để hấp bông, vải, dụng cụ trong y tế	Cái	1	
100	HC100	Hộp hấp	Inox, phi 26 x 16,5, dùng để hấp bông, vải, dụng cụ trong y tế	Cái	1	
101	HC101	Hộp hấp	Inox, phi 36 x 29 dùng để hấp bông, vải, dụng cụ trong y tế	Cái	1	
102	HC102	Hộp hấp	Inox, hình chữ nhật phi 40x18x12, dùng để hấp bông, vải, dụng cụ trong y tế	Cái	1	
103	HC103	Kéo cắt rón	kích cỡ 18cm, chất liệu không gỉ, hấp sấy được; Chứng chỉ ISO 9001, 13485, EC hoặc tương đương	Cái	1	
104	HC104	Kẹp bông sản	Kích thước >= 25cm; Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút.	Cái	1	
105	HC105	Kẹp mũi	Dùng nhiều lần, các cỡ	Cái	1	
106	HC106	Kẹp phẫu tích có máu	Kẹp phẫu tích có máu dài ≥ 17cm	Cái	1	
107	HC107	Kẹp phẫu tích không máu	Kẹp Phẫu tích không máu ≥ 16cm	Cái	1	
108	HC108	Khay quạ đầu	Khay quạ đầu 600ml, chất liệu inox	Cái	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
109	HC109	Kim chạy thận □	<ul style="list-style-type: none"> - Kim làm bằng thép không gỉ. - Kim có cánh định vị cánh xoay hoặc không xoay với màu xanh (16G), đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, phủ silicon giúp lấy ven dễ dàng, giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Mặt sau có lỗ backeye(duy trì dòng chảy liên tục). -16G[1.65X25mm], 17G[1.47X25mm]. - Chiều dài kim : 25mm. - Chiều dài dây gắn với kim : 300mm. - Đường kính ngoài O.D: 5.5 đường kính trong I.D: 3.5. - Flow/ Rate: 200ml/min. - Có khóa chặn dòng tức thì khi trong trường hợp khẩn cấp. -Khử trùng bằng khí FO (Ethylene Oxide) 	Cái	1	
110	HC110	Kim chích máu	<ul style="list-style-type: none"> - Đầm lấy mẫu máu làm xét nghiệm, kim bằng kim loại không gỉ, sắc bén và không gây kích ứng, vô trùng. - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 5 mặt vát - Ống catheter làm từ chất liệu PTFE tương thích sinh học, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vật nón ôm sát kim (Nguyên liệu có xuất xứ từ thương hiệu G7) - Tổng chiều dài kim : 82,27 đến 82,83mm đối với các số từ 14G-24G - Độ dài vát mặt kim: 2,51 đến 2,71 - Lực đâm: 125.00 gf - Độ cứng: 0,23 đến 0,35mm - Kim có cổng bơm thuốc hỗ xung, nắp dây bất gỉ bằng. Đầu catheter thon nhọn 2 lần. Kim được cắt vát, sắc. Kim có cánh vát có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim tối đa đến 72h. Các cỡ: <ul style="list-style-type: none"> 24G (I.D: 0.70 x 19 mm, 20ml/min): 22G (I.D: 0.9 x 25 mm, 36ml/min): 20G (I.D: 1,10 x 32 mm, 60ml/min): 18G (I.D: 1,3 x 45 mm, 90ml/min): 16G (I.D: 1,8 x 45 mm, 180ml/min): 14G (I.D: 1,8 x 45 mm, 240ml/min): 	Cái	1	
112	HC112	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, có cổng bơm thuốc	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: ISO13485, CE - Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có cửa bơm thuốc 18G. Kim được thiết kế với cơ chế bao chụp đầu kim 2 cm bằng kim loại bọc nhựa. - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén. - Ống catheter có 4 vách cản quang làm từ chất liệu PTFE nhựa y tế có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vật nón ôm sát kim. (Nguyên liệu có xuất xứ từ thương hiệu G7) - Tổng chiều dài kim : 82,27 đến 82,83mm đối với các số từ 14G-24G - Độ dài vát mặt kim: 2,51 đến 2,71 - Lực đâm: 125.00 gf - Độ cứng: 0,23 đến 0,35mm - Khoảng bảo màu thiết kế trong suốt - Khử trùng bằng khí EO. Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ. Cỡ/ Kích thước (đường kính x chiều dài mm)/ tốc độ dòng: [- 18G; Ø (1,3 x 45)mm; 90ml/ phút - Tiêu chuẩn ISO13485, CE 	Cái	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường	Đơn vị tính	Số lượng bảo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
120	HC120	Mask thở người lớn bằng silicon	Chất liệu silicon sử dụng nhiều lần	Cái	1	
121	HC121	Mặt nạ xông khí dung	• Đường kính ngoài đầu cảm vào bệnh nhân: 29.5mm	Cái	1	
122	HC122	Máy đo huyết áp điện tử	• Trờ kháng: 15 pa tại 30 lít / phút	Bộ	1	
123	HC123	Muối viên nén dùng cho y tế <input type="checkbox"/>	• Hiệu quả lọc khuẩn: 99,99%	Kg	1	
124	HC124	Nút chặn đuôi kim lùn có công bơm thuốc màu vàng	Nút chặn đuôi kim lùn có công bơm thuốc, được làm từ nhựa Acrylonitrile butadiene styrene (ABS) không chứa DEHP. Công bơm thuốc làm từ Silicone không chứa Latex. Kích thước: 21-22mm. Thẻ tích mỗi dịch là 0,16 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015, GMP FDA.	Cái	1	
125	HC125	Ông dẫn lưu màng phổi	Ông dẫn lưu màng phổi các cỡ	Cái	1	
126	HC126	Ông ngâm thổi đo chức năng hô hấp	Ông ngâm dùng 1 lần. Các cỡ: phi 30 mm x cao 70 mm, phi 30 mm x 63 mm, phi 30 mm x cao 57 mm	Cái	1	
127	HC127	Ông nghiệm Heparin	Chất liệu: Ông được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ông 12-13x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ông. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ông	1	
128	HC128	Ông nghiệm lấy máu chân không Sodium citrate 3.2%	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET. Kích thước ông 13x75mm. Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate được pha theo nồng độ 3.2%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ông. Ông nghiệm đã được hút chân không.	Ông	1	
129	HC129	Ông nghiệm thủy tinh	Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ông	1	
130	HC130	Ông nghiệm Tri-sodium citrate 3.2%, nút cao su, nắp xanh lá	Các loại, chất liệu thủy tinh. Kích thước fi 8mm đến 12mm, chiều cao 70mm đến 120mm Chất liệu: Ông được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm. Nắp cao su bọc nhựa LDPE đầy kín thành ông và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lờng trong của ông. Nắp màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.2%, hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ông. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu. Có chứng nhận CE (đạt chuẩn IVDR). Chất liệu ông PVC	Ông	1	
131	HC131	Ông môi khí quan có bóng chèn	Thông số các cỡ ông: 2.5(đường kính ngoài 3.6mm, chiều dài 130mm); 3.0(đường kính ngoài 4.2mm, chiều dài 160mm); 3.5(đường kính ngoài 4.9mm, chiều dài 180mm); 4.0(đường kính ngoài 5.5mm chiều dài 200mm); 4.5(đường kính ngoài 6.2mm, chiều dài 220mm) 5.0(đường kính ngoài 6.8mm, chiều dài 240mm); 5.5(đường kính ngoài 7.5mm, chiều dài 270mm), 6.0(đường kính ngoài 8.2mm, chiều dài 280mm); 6.5(đường kính ngoài 8.8mm, chiều dài 290mm). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	1	
132	HC132	Oxy y tế 10 lít	Độ tinh khiết $\geq 99.5\%$; áp suất nạp 150atm, áp suất làm việc 135atm	Bình	1	
133	HC133	Oxy y tế 40 lít	Hơi Oxy y tế nạp trong bình, thể tích vỏ 40 lít với áp suất nạp ≥ 135 bar. Độ tinh khiết $\geq 99.5\%$.	Bình	1	
134	HC134	Bộ hòa chất dùng cho máy phân tích điện giải 5 thông số	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl, Ca, pH trong mẫu huyết thanh trên máy SFRI ISE 5000. Thành phần: buffer < 0.1%, Inorganic salts < 3.0%, Preservative < 0.05%	hộp	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
135	HC135	Phim kỹ thuật số 25x30cm	<p>Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phim khô laser kích cỡ 25x30 cm (10x12 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axít docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn độ phơi > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16-27 °C hoặc 60-80 °F và điều kiện độ ẩm 30-50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ; Pháp 	tờ	1	
136	HC136	Phim kỹ thuật số 35x43cm	<ul style="list-style-type: none"> - Phim khô Laser cỡ 35x43 cm - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ - Phim nền xanh, độ dày PET ≥ 170 micromet - Mật độ tối đa ≥ 3.3 <p>Film rửa liên chất lượng cao</p> <p>Rõ nét, độ nhạy cao, thời gian phơi sáng thấp</p> <p>Kích thước: 30mm x 40mm</p> <p>50 Film/hộp, dung dịch rửa film 250 ml, ống chích 5ml.</p> <p>Tiện dụng, nhanh chóng, dễ sử dụng</p> <p>Nhiệt độ bảo quản: 10 - 20°C; Độ ẩm: 30 - 65%</p> <p>Không cần buồng rửa film.</p> <p>Có hình ảnh ngay sau khi chụp 2- 3 phút</p> <p>Phù hợp với mọi loại máy chụp film X-quang nha khoa.</p> <p>TCCL, ISO 13485, 2016</p> <p>Màng lọc Polysulfone</p> <p>Chất liệu vỏ: Polypropylene</p> <p>Chất liệu đầu qua lọc: Polyurethane</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích 2,2 m2 - Chống âm: Silicone - Kết nối với máy: hệ thống DIAFIX™ Lock - Tốc độ lọc: 5 mL/min x mm Hg (3.75 L/ph bar; max. 2 bar) - Thời hạn sử dụng: <p>+ Tiêu chuẩn HD: max. 12 tuần hoặc 100 ca điều trị</p> <p>+ ONLINE.HF/HDF_môi_rửa_dây_qua ONLINE: max.12 tuần hoặc 100 ca điều trị</p>	Tờ	1	
137	HC137	Phim XQ nha khoa		Hộp	1	
138	HC138	Quả lọc dịch		Quả	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường	Đơn vị tính	Số lượng bảo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
139	HCI39	Quả lọc máu Low Flux	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích màng 1,3-1,4 m² - Hệ số siêu lọc (ml/hr*mmHg) 15-25 - Thể tích môi ≤75 ml - Tốc độ bơm máu 300ml/phút: Urea ≥250, Creatinine ≥200 - Độ dày thành 40 μm, đường kính sợi 200 μm. - Phương pháp tiệt trùng: chiếu tia Gamma/Hơi nước - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Quả	1	
140	HCI40	Quả lọc máu Low Flux	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích màng 1,6 m² - Hệ số siêu lọc (ml/hr*mmHg) 15-18 - Thể tích môi 85-96 ml - Tốc độ bơm máu 300ml/phút: Urea ≥245, Creatinine ≥220 - Độ dày thành 40 μm, đường kính sợi 200 μm. - Phương pháp tiệt trùng: chiếu tia Gamma/Hơi nước - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Quả	1	
141	HCI41	Quả lọc máu siêu lọc	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích màng 1,8 m² - Hệ số siêu lọc (ml/hr*mmHg) 57-70 - Thể tích môi 95-105 ml - Tốc độ bơm máu 300ml/phút: Urea ≥270, Creatinine ≥240 - Albumin < 0.1% - Độ dày thành 40 μm, đường kính sợi 200 μm. - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước - Xuất xứ: Nhóm nước G7 	Quả	1	
142	HCI42	Que lấy bệnh phẩm (Cân gỗ)	Chiều dài ống, nắp, băng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.	Cái/ que	1	
143	HCI43	Que test tiệt trùng	Chi thị hóa học Type 5 cho hấp ướt. Test kiểm tra gói: đặt test bên trong gói để xác định tiệt khuẩn có đạt không. Đo lường ba thông số của quá trình tiệt khuẩn thời gian – nhiệt độ - áp suất hơi nước. Xuất xứ G7	Cái	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mới đầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
144	HC144	Que thử đường huyết	<p>Công nghệ: Cam biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD)</p> <p>Mỗi que thử chứa các thành phần phản ứng hóa học sau: Glucose oxidase < 25 IU, Chất trung gian (Mediator) < 300 µg.</p> <p>Thời gian đo: 10 giây</p> <p>Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 µL</p> <p>Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch</p> <p>Phạm vi HCT: 25 - 60%</p> <p>Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL)</p> <p>Giá trị YSI tham chiếu được đo từ mẫu máu mao mạch lấy từ đầu ngón tay với khoảng giá trị mẫu phẩm từ 1.9 đến 28.2 mmol/L (34.3 đến 507 mg/dL), cho kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt 100% nằm trong khoảng $\pm 15\%$ với nồng độ đường huyết < 5.55 mmol/L (100 mg/dL) - Đạt 99,6% nằm trong khoảng $\pm 15\%$ với nồng độ đường huyết ≥ 5.55 mmol/L (100 mg/dL) <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, CE, FDA</p> <p>Điều kiện làm việc: 5 - 45°C; 10 - 90% RH</p> <p>Phân loại TTBVT: C</p>	Test	1	
145	HC145	Sonde niệu quản chữ JJ	<p>Đã tiệt trùng, đường kính xông 6Fr, 7Fr, dài 26cm, loại 2 đầu mờ. Sản phẩm được làm bằng Polyurethane Tecoflex USA an toàn cho cơ thể, 2 đầu chữ J xoắn 1/2 vòng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn EC, ISO13485</p> <p>Định tính phát hiện kháng thể IgG và/ hoặc IgM kháng vi rút Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Các kháng nguyên Dengue tái tổ hợp, kháng thể kháng IgM người và kháng thể kháng IgG người.</p> <p>Quy cách : 30 Test thử trong túi riêng; 30 Ống nhỏ giọt ; 1 Lọ dung dịch đệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 96,9%; - Độ đặc hiệu: 98,9%; - Độ chính xác tương quan: 98,7%. <p>Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HIV, HCV, HBV, HEV, Syphilis, RF.</p> <p>Phân loại TTBVT: C</p> <p><small>Đọc kết quả tại 15 phút</small></p>	Cái	1	
146	HC146	Sốt xuất huyết IgG/IgM	<p>Kích thước: 112 x 179mm, dạng đứng</p> <p>Dùng cho trẻ em, kích thước: 99 x 132mm, dạng đứng.</p> <p>Định tính phát hiện kháng thể kháng H. pylori trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <p>Thành phần: chứa các phần tử phủ kháng nguyên H. pylori và kháng thể kháng IgG người phủ trên màng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 93,2%; - Độ đặc hiệu tương quan: 97,2%; - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp >99%. <p>Không bị ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm bởi thuốc chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate.</p> <p>Đọc kết quả ở phút thứ 10</p>	Test	1	
147	HC147	Tấm điện cực	<p>Kích thước: 112 x 179mm, dạng đứng</p> <p>Dùng cho trẻ em, kích thước: 99 x 132mm, dạng đứng.</p>	Cái	1	
148	HC148	Test chẩn đoán nhanh H.Pylori (Mẫu máu, Huyết thanh, Plasma)	<p>Định tính phát hiện kháng thể kháng H. pylori trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <p>Thành phần: chứa các phần tử phủ kháng nguyên H. pylori và kháng thể kháng IgG người phủ trên màng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 93,2%; - Độ đặc hiệu tương quan: 97,2%; - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp >99%. <p>Không bị ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm bởi thuốc chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate.</p> <p>Đọc kết quả ở phút thứ 10</p>	Test	1	
149	HC149	Test đo khí máu	<p>Đo khí máu, điện giải và chuyển hóa gồm pH, pCO₂, pO₂, Na⁺, Ca⁺⁺, Clorua, glucose, Lactate, Creatinine; và tỷ lệ hồng cầu.</p>	Test	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường	Đơn vị tính	Số lượng bảo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
150	HCI150	Test nhanh định tính và bán định lượng ASO	ATLAS ASO latex Test được sử dụng để đo định tính và bán định lượng các kháng thể kháng Anistreptolysin-O trong huyết thanh người - Độ nhạy phân tích: 200 (\pm 50) IU/ml - Không phát hiện thấy hiệu ứng prozone lên đến 1500 IU/ml Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission. Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Do các chỉ số : Leukoocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Dạng que. Hạn dùng: 24 tháng/ 3 tháng sau khi mở nắp hộp. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA Phát hiện kháng nguyên Virus Dengue Ag(NS1) Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC Người sản xuất: 0,25 ng/ml - Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 99,6%, Độ chính xác tương quan: 99,7% Khay thử bao gồm: 1. Vung công hợp có màu đo tia được phủ sẵn công hợp kháng thể kháng nguyên dengue NS1 (cộng hợp dengue Ab) và một công hợp kháng thể để kiểm chứng. 2. Một màng bằng chất nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 và vạch chứng C được phủ sẵn một kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB.... - Phân loại trang TBYT loại C - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	1	
151	HCI151	Test thử nước tiểu 10 thông số	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission. Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Do các chỉ số : Leukoocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Dạng que. Hạn dùng: 24 tháng/ 3 tháng sau khi mở nắp hộp. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA Phát hiện kháng nguyên Virus Dengue Ag(NS1) Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC Người sản xuất: 0,25 ng/ml - Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 99,6%, Độ chính xác tương quan: 99,7% Khay thử bao gồm: 1. Vung công hợp có màu đo tia được phủ sẵn công hợp kháng thể kháng nguyên dengue NS1 (cộng hợp dengue Ab) và một công hợp kháng thể để kiểm chứng. 2. Một màng bằng chất nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 và vạch chứng C được phủ sẵn một kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB.... - Phân loại trang TBYT loại C - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	1	
152	HCI152	Test thử sốt xuất huyết NS 1 Dengue - fasteps	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission. Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Do các chỉ số : Leukoocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU). Dạng que. Hạn dùng: 24 tháng/ 3 tháng sau khi mở nắp hộp. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA Phát hiện kháng nguyên Virus Dengue Ag(NS1) Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC Người sản xuất: 0,25 ng/ml - Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 99,6%, Độ chính xác tương quan: 99,7% Khay thử bao gồm: 1. Vung công hợp có màu đo tia được phủ sẵn công hợp kháng thể kháng nguyên dengue NS1 (cộng hợp dengue Ab) và một công hợp kháng thể để kiểm chứng. 2. Một màng bằng chất nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 và vạch chứng C được phủ sẵn một kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB.... - Phân loại trang TBYT loại C - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	1	
153	HCI153	Thẻ cảm biến xét nghiệm khí màu	The cảm biến xét nghiệm khí màu, đo được các thông số pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, K ⁺ , Na ⁺ , Ca ⁺⁺ , Cl ⁻ , 300 test/hộp, sử dụng trong vòng 60 ngày sau khi mở hộp. Bao gồm đầu dò hút mẫu và các cảm biến đo các thông số. Nguyên liệu: được làm từ ống nylon. Có dây bước 2 ly; túi nylon 150mm x 235mm. Sản phẩm chứa trong túi giấy đựng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. • Túi màu dùng để thu thập mẫu với thể tích 250ml, có chứa chất chống đông CPDA-1, • Kim lấy mẫu được tiệt trùng, • 1 dây lấy mẫu toàn phần dài 1100 \pm 50mm, trên dây có 14 đoạn mã. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Hộp	1	
154	HCI154	Túi Camera vô trùng	The cảm biến xét nghiệm khí màu, đo được các thông số pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, K ⁺ , Na ⁺ , Ca ⁺⁺ , Cl ⁻ , 300 test/hộp, sử dụng trong vòng 60 ngày sau khi mở hộp. Bao gồm đầu dò hút mẫu và các cảm biến đo các thông số. Nguyên liệu: được làm từ ống nylon. Có dây bước 2 ly; túi nylon 150mm x 235mm. Sản phẩm chứa trong túi giấy đựng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. • Túi màu dùng để thu thập mẫu với thể tích 250ml, có chứa chất chống đông CPDA-1, • Kim lấy mẫu được tiệt trùng, • 1 dây lấy mẫu toàn phần dài 1100 \pm 50mm, trên dây có 14 đoạn mã. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Cái	1	
155	HCI155	Túi màu đơn 250ml	The cảm biến xét nghiệm khí màu, đo được các thông số pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, K ⁺ , Na ⁺ , Ca ⁺⁺ , Cl ⁻ , 300 test/hộp, sử dụng trong vòng 60 ngày sau khi mở hộp. Bao gồm đầu dò hút mẫu và các cảm biến đo các thông số. Nguyên liệu: được làm từ ống nylon. Có dây bước 2 ly; túi nylon 150mm x 235mm. Sản phẩm chứa trong túi giấy đựng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. • Túi màu dùng để thu thập mẫu với thể tích 250ml, có chứa chất chống đông CPDA-1, • Kim lấy mẫu được tiệt trùng, • 1 dây lấy mẫu toàn phần dài 1100 \pm 50mm, trên dây có 14 đoạn mã. Đóng gói tiệt trùng từng cái	Túi	1	
156	HCI156	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	Hoá chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đêm tế bào máu *Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, chất ổn định và bảo quản trong một dung dịch tương tự huyết tương.	Hộp	1	
157	HCI157	Vòng tránh thai chữ T	Vòng tránh thai chứa đồng	Cái	1	
158	HCI158	Xanh methylen	Dung dịch Xanh Methylen, Chai \geq 500ml	Chai	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật mời thầu	Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
159	HC159	Hóa chất xét nghiệm CRP	Tính năng: Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Phương pháp: phương pháp miễn dịch đo độ đục Dải đo: lên tới 32 mg/dl LOD: 0.08 mg/dl Thành Phần chính: R1: Phosphate buffer, Accelerator, Sodium azide R2: Phosphate buffer, Poly clonal goat anti-human CRP (variable) R3: Chất hiệu chuẩn Tiêu chuẩn: ISO 13485 Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên Cúm A và týp B trong bệnh phẩm mũi họng của người; Dạng khay, bảo quản tại 2-30 °C; Không có phản ứng chéo với các tác nhân gây bệnh sau: Adenovirus, Coxsackie virus, Cytomegalovirus, Parainfluenza Virus Type 1,2,3,4a, Enterovirus, Virus quai bị, Virus herpes bào hô hấp, Rhinovirus; Không có phản ứng chéo với vi khuẩn sau: Bordetella, ho gà, Haemophilusparainfluenzae, Staphylococcus aureus, Streptococcus agalactiae, Neisseria meningitides, Streptococcus sp. nhóm A, B, C, Streptococcus pneumoniae; - Đối với cúm A: Độ nhạy 87.2%, Độ đặc hiệu 94.5%, Độ chính xác 92.8%; - Đối với cúm B: Độ nhạy 92.5%, Độ đặc hiệu: 97.5%, Độ chính xác 96.7%; Bộ test hoạt động ổn định cho đến ngày hết hạn được in trên túi niêm phong; Chứng chỉ CE, CFS	Hộp	1	
160	HC160	Test nhanh chẩn đoán cúm A, B		Test	1	
161	HC161	Bơm tiêm insulin sử dụng một lần 1ml	- Bơm tiêm insulin sử dụng một lần 1ml được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Bơm	Cái	1	
162	HC162	Cơ chất phát quang	- Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt	Hộp	1	
163	HC163	Định lượng TSH (3rd IS)	Phạm vi phân tích: 0,005-50 µIU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich") -	Hộp	1	
164	HC164	Giếng phản ứng (≥ 1568cái/Hộp)	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT. Thành phần thuốc thử: R1: TRIS buffer pH 7,8 95 mmol/L L-Alanine 600 mmol/L EDTA 5,8 mmol/L Lactate dehydrogenase LDH ≥ 1,5 KU/l R2: CAPS pH 9,6 85 mmol/L 2-oxoglutarate 113 mmol/L NADH 1,4 mmol/L	Hộp	1	
165	HC165	Hóa chất xét nghiệm ALAT / GPT IFCC		Hộp	1	

STT	Mã HH	Tên hàng hóa	Thông số, tính năng kỹ thuật môi trường		Đơn vị tính	Số lượng báo giá cho 01 đơn vị tính	Ghi chú
166	HC166	Hóa chất xét nghiệm ASAT / GOT IFCC (Hộp ≥ 337ml)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST. Thành phần thuốc thử: R1: TRIS-Buffer pH 7.8 99 mmol/L L-Aspartate 250 mmol/L EDTA 16 mmol/L Malate Dehydrogenase (MDH) ≥ 0,5 KU/I Lactate dehydrogenase (LDH) ≥ 1,5 KU/I R2: CAPS pH 9,6 85 mmol/L NADH 1,5 mmol/L 2-Oxoglutarate 113 mmol/L		Hộp	1	
Tổng: 166 mặt hàng							